

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	2.089.000	1.265.948
I	Thu nội địa	1.399.000	1.265.948
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	96.800	96.800
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.800	4.800
	- Thuế tài nguyên	9.000	9.000
	- Thuế giá trị gia tăng	83.000	83.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế môn bài		
	- Thu khác		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	61.000	61.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.800	15.800
	- Thuế tài nguyên	11.000	11.000
	- Thuế giá trị gia tăng	34.200	34.200
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế môn bài		
	- Thu khác		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	500	500
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	120	120
	- Thuế tài nguyên		
	- Thuế về khí thiên nhiên		
	- Thuế giá trị gia tăng	380	380
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế môn bài		
	- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước		
	- Thu khác		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	445.220	445.220
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.000	50.000
	- Thuế tài nguyên	148.028	148.028
	- Thuế giá trị gia tăng	245.456	245.456
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.736	1.736
	- Thuế môn bài		
	- Thu khác		
5	Thuế thu nhập cá nhân	78.000	78.000
6	Thuế bảo vệ môi trường	165.000	99.000
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	99.000	99.000
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	66.000	
7	Lệ phí trước bạ	79.900	79.900
8	Thu phí, lệ phí	104.305	98.305
-	Phí và lệ phí trung ương	6.000	
-	Phí và lệ phí địa phương	98.305	98.305
-	Phí và lệ phí huyện		
-	Phí và lệ phí xã, phường		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.145	2.145
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	43.285	43.285
12	Thu tiền sử dụng đất	211.000	211.000

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	895	895
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	15.000	15.000
	- Thuế giá trị gia tăng	6.290	6.290
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	80	80
	- Thu từ thu nhập sau thuế	100	100
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.530	8.530
	- Thuế môn bài		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	29.750	19.698
16	Thu khác ngân sách	61.000	10.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	200	200
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	5.000	5.000
II	Thu từ dầu thô		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	690.000	
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	236.234	
2	Thuế xuất khẩu	236.200	
3	Thuế nhập khẩu	213.794	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	2.500	
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	11	
6	Thu khác	1.261	
IV	Thu viện trợ		